

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 02 năm 2012	Quý 02 năm 2011	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.440.374.148	158.584.821.752	186.615.472.592	285.996.123.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	179.440.374.148	158.584.821.752	186.615.472.592	285.996.123.541
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	80.441.647.430	141.819.767.017	86.984.203.069	249.765.281.714
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		98.998.726.718	16.765.054.735	99.631.269.523	36.230.841.827
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.080.477.094	15.779.635.204	5.562.460.484	24.268.017.476
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(39.008.780.314)	113.702.460.645	(86.264.818.178)	156.170.358.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.330.942.149	1.207.249.347	4.266.422.972	2.480.475.118
8. Chi phí bán hàng	24		243.729.196	9.267.177.029	869.631.030	14.066.910.303
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.619.635.035	10.209.701.825	9.711.224.348	15.309.943.847
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		136.224.619.895	(100.634.649.560)	180.877.692.807	(125.048.353.564)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	600.793.679	-	600.793.679	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(600.793.679)	-	(600.793.679)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	60		135.623.826.216	(100.634.649.560)	180.276.899.128	(125.048.353.564)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.9	21.659.455.799	-	21.659.455.799	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62				-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70 = 60 - 61 - 62)	70		113.964.370.417	(100.634.649.560)	158.617.443.329	(125.048.353.564)